

Số: **645** /2017/QĐST-HNGĐ

Đông Đa, ngày 28 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 914/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017, giữa những người yêu cầu:

- **Bà Trần Thị Vũ H**, sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Phố M, phường P, quận Đ, thành phố H.

- **Ông Trần Xuân A**, sinh năm 1954

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Phố M, phường P, quận Đ, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/9/2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 914/2017/TLST- HNGĐ ngày 18/9/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/9/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Vũ H và ông Trần Xuân A.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Vũ H và ông Trần Xuân A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/3/1996 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận T, thành phố H. Nay bà H và ông A cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận ông bà thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà H và ông A xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là: Trần Hương G (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/1996 và Trần Ái H (giới tính nữ), sinh ngày 31/5/2001. Ly hôn, ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của bà H và ông A: giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ái H; ông A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế. Cháu G đã trưởng thành, việc ở với ai là do cháu tự quyết định.

Ông A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Bà H và ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về nợ: Bà H và ông A xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về lệ phí: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bà H và ông A để bà H tự nguyện nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng bà H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006176 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bích Hạnh